

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/HS-ST

Ngày 06-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Mạnh Toàn và ông Vũ Đăng Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1969, tại xã C, huyện CG, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện CG, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Phạm Thị C (đã chết); có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Văn T2**, sinh năm 1981 tại xã HK, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn L, xã HK, huyện B, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Th và bà Vũ Thị L; có vợ và 3 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. **Phạm Đình T5** (tên khác là M), sinh năm 1989 tại xã HK, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn L, xã HK, huyện B, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình T (đã chết) và bà Vũ Thị Nh; có vợ và 2 con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án số 11/2011/HSST ngày 24/02/2011 Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ngày 24/8/2012 T5 chấp hành xong toàn bộ Bản án;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. **Phạm Hữu T6**, sinh năm 1980, tại xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn H, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu T và bà Vũ Thị C; có vợ và 2 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. **Trần Văn T3**, sinh năm 1987 tại xã HK, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn L, xã HK, huyện B, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Th và bà Vũ Thị L; có vợ và 3 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. **Trần Văn T4**, sinh năm 1976 tại xã HK, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn L, xã HK, huyện B, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Th và bà Vũ Thị L; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T2, Trần Văn T3, Trần Văn T4 là anh em ruột, có quan hệ bạn bè với Phạm Đình T5, Phạm Hữu T6 và Nguyễn Văn T1. Trưa ngày 15/9/2021, T2, T1, T6, T5 ăn cơm trưa ở nhà T2. Sau khi ăn cơm xong, T5 đi về còn T6 và T1 ở lại nhà T2 nghỉ ngơi. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi đang ngồi uống nước nói chuyện tại phòng khách thì T1 nói "Có làm tý ba cây vui về không?" nghĩa là rủ T6, T2 đánh bạc dưới hình thức chơi ba cây, T2 và T6 đồng ý. Cả ba ngồi xuống chiếu đã trải sẵn trên nền nhà tại phòng khách nhà T2 đánh bạc. Sau đó, T5 có việc quay lại nhà T2, thấy 3 bị cáo đang đánh bạc nên tham gia cùng. Khoảng 30 phút sau thì lần lượt Trần Văn T4, Trần Văn T3 đến nhà T2 chơi, thấy vậy cũng tham gia đánh bạc.

Cách chơi, mức sát phạt được các bị cáo thống nhất như nhau: Sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân, soạn bỏ các quân (10, J, Q, K), chỉ dùng 36 quân (gồm A, 2, 3, 4,

5, 6, 7, 8, 9) để đánh bạc. Trước khi chơi mỗi người chơi được chia 3 lá bài rồi cộng điểm để chọn ra người nào nhiều điểm nhất là người cầm chương. Người cầm chương chia bài, có trách nhiệm trả tiền cho người thắng và thu tiền của người thua. Khi cộng 3 lá bài, ai được nhiều điểm hơn người cầm chương là người thắng và được số tiền bằng số tiền đã đặt, ai ít điểm hơn người cầm chương là người thua và bị mất toàn bộ số tiền đã đặt, mức đặt cược thấp nhất 50.000 đồng, mức cao nhất tùy vào người cầm chương. Nếu trong ván bài đó người nào có 3 lá bài cộng lại được 10 điểm thì sẽ nhân đôi số tiền cược và được cầm chương của ván sau. Nếu số điểm của 3 lá bài trên 10, người chơi chỉ được tính điểm là số hàng đơn vị (ví dụ: tổng điểm là 11 thì được tính là 01 điểm; 20 điểm được tính là 10 điểm). Nếu trong ván bài có người bằng điểm với người cầm chương thì so sánh chất và quân bài của những người chơi để xác định người thắng, cụ thể: Lá bài lớn nhất là A rồi đến 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2; chất lớn nhất và nhỏ nhất theo thứ tự là: Rô, Cơ, Bích, Tép.

Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 15 giờ 15 thì bị Công an huyện Bình Giang phối hợp với Công an xã HK phát hiện và bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc 4.000.000 đồng; 01 chiếu cói đã cũ; 36 quân bài tú lơ khơ mặt sau màu vàng. Ngoài ra còn thu giữ tiền trên người các đối tượng gồm: Trần Văn T2 3.620.000 đồng, Trần Văn T3 2.280.000 đồng, Trần Văn T1 1.050.000 đồng, Phạm Đình T5 1.400.000 đồng, Trần Văn T4 140.000 đồng và Phạm Hữu T6 540.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: T2 có 4.120.000 đồng, sử dụng 620.000 đồng để đánh bạc, khi đánh bỏ ra 500.000 đồng, thắng 400.000 đồng, khi lực lượng Công an vào bắt vớt 900.000 đồng xuống chiếu, thu giữ trên người 3.620.000 đồng, trong đó có 120.000 đồng dùng để đánh bạc; T3 mang theo 2.480.000 đồng sử dụng 1.410.000 để đánh bạc, bị thua 200.000 đồng, khi lực lượng Công an vào bắt thu giữ 2.280.000 đồng, trong đó có 1.210.000 đồng tiền đánh bạc; T4 mang theo 540.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc, bị thua, khi lực lượng Công an vào bắt giữ còn 140.000 đồng tiền đánh bạc; T5 mang theo 1.700.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc, bị thua, bị thu giữ 1.400.000 đồng tiền đánh bạc; T6 mang theo 790.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc, bị thua, bị thu giữ 540.000 đồng tiền đánh bạc; T1 mang theo 1.350.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc, bị thua, bị thu giữ 1.050.000 đồng tiền đánh bạc.

Tại bản Cáo trạng số 68/CT-VKS ngày 12/11/2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang đã truy tố các bị cáo Trần Văn T2, Nguyễn Văn T1, Phạm Hữu T6, Trần Văn T3, Phạm Đình T5, Trần Văn T4 về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo phạm tội Đánh bạc.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Văn T2, Phạm Hữu T6.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Văn T3, Trần Văn T4.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Đình T5

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/12/2021).

Xử phạt bị cáo Trần Văn T2 từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/12/2021).

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu T6 từ 8 đến 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 đến 22 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/12/2021).

Giao bị cáo T2 cho Ủy ban nhân dân xã HK, huyện B, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo T1 cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện CG, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo T6 cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Phạm Đình T5 từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã HK, huyện B, tỉnh Hải Dương nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T3 từ 11 đến 14 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã HK, huyện B, tỉnh Hải Dương nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T4 từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã HK, huyện B, tỉnh Hải Dương nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng của mỗi bị cáo T5, T3, T4 trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để nộp ngân sách nhà nước.

Giao các bị cáo T4, T3, T5 cho Ủy ban nhân dân xã HK, huyện B, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 8.460.000 đồng; Trả lại số tiền 1.070.000 đồng cho bị cáo T3, 3.500.000 đồng cho bị cáo T2 nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm, khoản tiền khấu trừ thu nhập hàng tháng.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân, 01 chiếc cối cũ.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai đã thực hiện hành vi như nêu trên, nhất trí xác định nội dung bản Cáo trạng phản ánh đúng hành vi các bị cáo đã thực hiện, nhất trí

với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đã nhận thức được việc làm của các bị cáo là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản về việc các bị cáo đánh bạc được cơ quan công an lập, phù hợp với vật chứng thu giữ và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở khẳng định:

Hồi 13 giờ 30 phút ngày 15/9/2021, tại nhà ở của Trần Văn T2 tại thôn L, xã HK, huyện B, tỉnh Hải Dương, các bị cáo Trần Văn T2, Nguyễn Văn T1, Phạm Hữu T6, Trần Văn T3, Phạm Đình T5, Trần Văn T4 có hành vi sát phạt lẫn nhau bằng tiền, dưới hình thức sử dụng bộ tứ lơ khơ làm công cụ. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 8.460.000 đồng (Trong đó: tiền trên chiếu bạc 4.000.000 đồng; 4.460.000 đồng tiền đánh bạc thu trên người các bị cáo gồm: T2 120.000 đồng, T1 1.050.000 đồng, T6 540.000 đồng, T3 1.210.000 đồng, T5 1.400.000 đồng, T4 140.000 đồng).

Hành vi nêu trên của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hành vi nhưng vẫn thực hiện là có lỗi cố ý. Do đó, các bị cáo đã đồng phạm tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về vị trí vai trò của các bị cáo trong đồng phạm.

Bị cáo T1 là người khởi xướng việc đánh bạc, bị cáo T2 là người sử dụng nhà ở của mình chứa bạc, trực tiếp tham gia đánh bạc nên T1, T2 cùng giữ vai trò đầu; bị cáo T6 tham gia đánh bạc từ đầu cùng T1 và T2 cho đến khi bị bắt nhưng số tiền sử dụng đánh bạc ít hơn bị cáo T1, T2 nên T6 giữ vai trò sau bị cáo T1, T2; các bị cáo T5 sử dụng 1.700.000 đồng, T3 sử dụng 1.400.000 đồng, T4 sử dụng 540.000 vào tham gia đánh bạc sau 3 bị cáo T1, T2, T6 nên T5, T3, T4 lần lượt giữ vai trò sau 3 bị cáo nêu trên trong đồng phạm.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, trừ bị cáo T5 đã từng bị kết án tội Trộm cắp tài sản, nhưng đã chấp hành xong và được xóa án tích.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự

Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; phạm tội lần đầu (trừ bị cáo T5) và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo (trừ bị cáo T5) được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, vai trò của các bị cáo trong đồng phạm; nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với các bị cáo T1, T2, T6 cần áp dụng hình phạt tù ở mức tương xứng. Xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương, nên cho hưởng án treo theo chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự.

Đối với bị cáo T3, T4 có nhân thân tốt, chưa từng phạm tội; bị cáo T5 tuy đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, nhưng đã chấp hành xong bản án từ năm 2012 và đã được xóa án tích; T5, T3, T4 đều phạm tội ít nghiêm trọng và giữ vai trò sau trong đồng phạm; 3 bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy có khả năng cải tạo tại địa phương mà không cần cách ly khỏi xã hội, nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là đủ để cải tạo các bị cáo thành người có ích cho xã hội. Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự, cần khấu trừ một phần thu nhập của các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để nộp ngân sách nhà nước.

Xét thấy các bị cáo đều có điều kiện kinh tế khó khăn, nên không phạt tiền bổ sung.

[7]. Về xử lý vật chứng: Số tiền 8.460.000 đồng các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước; 36 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếu cói cũ là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Quá trình các bị cáo đánh bạc tại nhà bị cáo T2, vợ bị cáo T2 là chị Nguyễn Thị Xoài không có mặt ở nhà, cũng không biết việc T2 để cho các bị cáo sử dụng nhà ở để đánh bạc, nên cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với chị Xoài là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Văn T2, Phạm Hữu T6.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Văn T3, Trần Văn T4.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Đình T5.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án đối với tất cả các bị cáo.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Văn T2, Trần Văn T4, Phạm Hữu T6, Phạm Đình T5, Trần Văn T3 phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/12/2021).

Xử phạt bị cáo Trần Văn T2 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/12/2021).

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu T6 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/12/2021).

Giao bị cáo T2 cho Ủy ban nhân dân xã HK, huyện B, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo T1 cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện CG, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo T6 cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Phạm Đình T5 13 (mười ba) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã HK, huyện B, tỉnh Hải Dương nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T3 11 (mười một) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã HK, huyện B, tỉnh Hải Dương nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T4 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã HK, huyện B, tỉnh Hải Dương nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của mỗi bị cáo T5, T3, T4 trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để nộp ngân sách nhà nước.

Giao các bị cáo T4, T3, T5 cho Ủy ban nhân dân xã HK, huyện B, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 8.460.000 đồng; Trả lại số tiền 1.070.000 đồng cho bị cáo T3 nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm của bị cáo và khoản khấu trừ thu 5% nhập hàng tháng nộp ngân sách nhà nước.

Trả lại số tiền 3.500.000 đồng cho bị cáo T2 nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm của bị cáo.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếc cối cũ.

Các vật chứng, tiền (với tổng số 13.030.000 đồng) nêu trên đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/11/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang với Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang.

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Cơ quan THAHS CA huyện Bình Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo;
- Lưu HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cường